

A member of **HLB** International

[aasc.com.vn](http://aasc.com.vn)

**AASC AUDITING FIRM**

# Báo cáo Tài chính

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(Đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

---

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09-29



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa, theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 06 năm 2015.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp; Lập dự án, thẩm tra thiết kế các công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Anh Tài	Chủ tịch
Ông Trần Hữu Năm	Thành viên
Ông Lý Bửu Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Hữu Năm	Giám Đốc	
Ông Lê Văn Sơn	Phó Giám Đốc	
Bà Trâm Thị Cẩm Vân	Phó Giám Đốc	
Ông Trần Công Lễ	Phó Giám Đốc kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 1/7/2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Vân An	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Văn Đàm	Thành viên	
Ông Trần Công Lễ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/07/2016
Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2016
Bà Hồ Thị Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2016

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

**Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa**

Số 95 Phạm Hữu Chí, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trần Hữu Năm  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2017



Số 831/2017/BC.KTTC-AASC.DTNN1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa, được lập ngày 23/03/2017, trình bày từ trang 06 đến 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC



**Đỗ Mạnh Cường**

Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2013-002-1/KTV

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2017



**Nguyễn Anh Ngọc**

Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1437-2013-002-1/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>150.147.074.923</b>	<b>102.130.443.771</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và và tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>2.597.084.095</b>	<b>20.511.242.061</b>
111	1. Tiền		2.597.084.095	511.242.061
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		26.000.000.000	30.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>81.551.231.555</b>	<b>41.208.503.794</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	66.508.351.900	35.296.257.096
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.049.452.583	1.722.953.479
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.993.427.072	4.189.293.219
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>35.598.589.924</b>	<b>7.524.717.675</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	35.598.589.924	7.524.717.675
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.400.169.349</b>	<b>2.885.980.241</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	4.400.169.349	2.290.380.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	297.550.406
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	298.049.835
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>11.612.822.133</b>	<b>11.984.746.811</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>488.180.974</b>	<b>751.631.308</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	488.180.974	751.631.308
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.977.832.713</b>	<b>7.479.255.708</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	5.559.738.462	6.938.910.213
222	- Nguyên giá		16.073.803.734	15.141.281.007
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.514.065.272)	(8.202.370.794)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	418.094.251	540.345.495
228	- Nguyên giá		1.298.499.000	1.103.499.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(880.404.749)	(563.153.505)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.146.808.446</b>	<b>3.753.859.795</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	5.033.848.585	3.640.899.934
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		112.959.861	112.959.861
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>161.759.897.056</b>	<b>114.115.190.582</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>107.426.205.606</b>	<b>63.798.076.836</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>107.250.037.206</b>	<b>63.798.076.836</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	89.348.135.487	23.064.220.785
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	292.232.000	14.460.452.815
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.389.852.583	263.057.548
314	4. Phải trả người lao động	15	8.258.260.604	16.117.477.034
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	517.673.598	5.673.703.056
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	4.443.882.934	4.219.165.598
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>176.168.400</b>	<b>-</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	176.168.400	-
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN</b>		<b>54.333.691.450</b>	<b>50.317.113.746</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>54.333.691.450</b>	<b>50.317.113.746</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.553.000	93.556.402
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		223.557.344	223.557.344
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.016.581.106	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.016.581.106	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>161.759.897.056</b>	<b>114.115.190.582</b>



Trần Hữu Năm  
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Trang  
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	19	258.075.385.390	146.250.012.171
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		258.075.385.390	146.250.012.171
11	4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	20	240.941.669.579	128.480.389.514
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		17.133.715.811	17.769.622.657
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.277.634.187	2.168.470.836
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	13.584.824.228	12.299.361.518
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.826.525.770	7.638.731.975
31	11. Thu nhập khác	23	302.891.533	269.992.103
32	12. Chi phí khác	24	14.572.221	75.683.162
40	13. Lợi nhuận khác		288.319.312	194.308.941
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.114.845.082	7.833.040.916
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	1.098.263.976	1.809.483.572
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>4.016.581.106</u>	<u>6.023.557.344</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	803	745



Trần Hữu Năm  
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Trang  
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2017

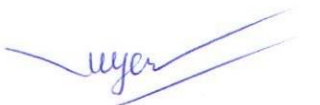
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.114.845.082</b>	<b>7.833.040.916</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định	2.628.945.722	2.623.429.547
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	(1.277.634.187)	(2.168.470.836)
08	<b>3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>6.466.156.617</b>	<b>8.287.999.627</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(39.823.977.187)	(38.888.632.961)
10	Tăng hàng tồn kho	(28.073.872.249)	(586.819.106)
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)	50.056.292.482	40.191.574.258
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	(3.502.738.000)	182.475.260
15	Thuế TNDN đã nộp	(1.117.356.367)	(1.922.945.213)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	18.450.766	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.938.032.489)	(2.611.622.402)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(18.915.076.427)</b>	<b>4.652.029.463</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.127.522.727)	(4.307.213.935)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(28.000.000.000)	(42.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	32.000.000.000	38.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.617.934.188	2.458.006.947
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>4.490.411.461</b>	<b>(5.849.206.988)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(3.489.493.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(3.489.493.000)</b>	<b>-</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(17.914.157.966)</b>	<b>(1.197.177.525)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	20.511.242.061	21.708.419.586
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 2.597.084.095</b>	<b>20.511.242.061</b>



Trần Hữu Năm  
Giám đốc

  
Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Thị Xuân Trang  
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2017



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa, theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 06 năm 2015.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp; xây dựng cấp nước, thiết kế xây dựng công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; lập dự án, thẩm tra thiết kế các công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 95 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 5 ngày 04/06/2015 là 50.000.000.000 VND, tương đương 5.000.000 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần cấp nước Tân Hòa theo Giấy phép đăng ký chuyển đổi thành Công ty cổ phần ngày 17/12/2014.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND) và Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND")

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng nội dung dịch vụ chưa hoàn thành/ chưa được khách hàng nghiệm thu thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 08 năm



## 2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính gồm:

- ▶ Tương đương tiền nếu khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng;
- ▶ Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn nếu có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng và không bao gồm các khoản được phân loại là tương đương tiền;
- ▶ Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn dài hạn nếu thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng.

## 2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.11 Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.12 Thuế thu nhập

### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

## 2.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	18.709.358	5.381.779
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.578.374.737	505.860.282
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<u>2.597.084.095</u>	<u>20.511.242.061</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank"), có lãi suất từ 4-4,5%/năm.

## 4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Số dư tại 31/12/2016 là các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 3-12 tháng tại Agribank, lãi suất từ 6,5 – 6,8%/năm.



**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng</b>				
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV UBND phường 13, Q.Tân Bình	66.355.902.900	-	35.296.257.096	-
	152.449.000	-	-	-
	<b>66.508.351.900</b>	<b>-</b>	<b>35.296.257.096</b>	<b>-</b>
<b>b) Trong đó, phải thu bên liên quan</b>				
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (Thuyết minh 32)	66.355.902.900	-	35.296.257.096	-
	<b>66.355.902.900</b>	<b>-</b>	<b>35.296.257.096</b>	<b>-</b>

**6. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty TNHH TMDV Xây dựng Hương Quỳnh Châu	296.210.500	838.537.500
Công ty TNHH Đan VT	435.789.483	486.031.919
Công ty TNHH TV ĐT XD Tân Phước Long	143.980.800	143.980.800
Công ty TNHH TM XD Trí Phát	716.802.000	170.314.860
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam	97.904.800	74.088.400
Công ty TNHH Xây Dựng Đo Đạc Thương Mại Nghi Phát	388.540.500	-
Công ty CP XD Hạ Tầng D.N.A	804.851.500	-
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Vietinbank Aviva	165.373.000	-
Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	-	10.000.000
	<b>3.049.452.583</b>	<b>1.722.953.479</b>

**7. Phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
VAT đầu vào chưa kê khai	8.106.477.577	-	1.908.600.143	-
Phải thu Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV theo QĐ 700/QĐ-UBND (Thuyết minh 18)	3.152.749.637	-	-	-
Truy thu tiền nước (*)	-	-	1.094.781.600	-
Phải thu thuế TNCN	243.744.614	-	33.577.234	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	287.774.998	-	628.074.999	-
Tạm ứng	202.680.246	-	175.088.019	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	312.109.511	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	33.166.000	-
Khác	-	-	3.895.713	-
	<b>11.993.427.072</b>	<b>-</b>	<b>4.189.293.219</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	488.180.974	-	751.631.308	-
	<b>488.180.974</b>	<b>-</b>	<b>751.631.308</b>	<b>-</b>

(\*) Số dư tại 31/12/2015 là khoản truy thu tiền nước theo kết quả thanh tra của Bộ tài chính tại Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng Công ty”) đối với các trường hợp áp sai đơn giá nước của các khách hàng trên địa bàn quản lý của Công ty theo Quyết định số 225/QĐ-TTr ngày 31/12/2015 của thanh tra Bộ tài chính. Công ty có trách nhiệm thu hồi lại các khoản này từ khách hàng và nộp trả lại Tổng Công ty (Thuyết minh 16). Tại ngày 31/12/2016, mặc dù không thể thu hồi toàn bộ số dư, tuy nhiên Tổng Công ty xác nhận không yêu cầu Tân Hòa bồi thường đối với các giá trị không thể thu hồi, cũng như đồng ý để Tân Hòa không ghi nhận khoản phải thu, phải trả khác trên báo cáo tài chính.

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	16.217.957.180	-	7.227.578.607	-
Công cụ, dụng cụ	12.769.049	-	13.468.411	-
Chi phí sản xuất KDDD (i)	19.367.863.695	-	283.670.657	-
	<b>35.598.589.924</b>	<b>-</b>	<b>7.524.717.675</b>	<b>-</b>

(i) Trong đó, giá trị đã thực hiện của phần công việc giảm thất thoát nước thuộc phạm vi Hợp đồng phân phối nước sạch kết hợp giảm thất thoát nước với Tổng Công ty là 18.826.999.091 VND. Đây là khối lượng công việc được nghiệm thu trong năm 2017.

9. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Cước internet	11.700.000	3.780.000
Phí bảo hiểm nhân thọ	4.379.669.349	2.286.600.000
Khác	8.800.000	-
	<b>4.400.169.349</b>	<b>2.290.380.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ	524.780.524	476.247.295
Chi phí sửa chữa lớn phân bổ	1.582.072.676	-
Tài sản đánh giá tăng theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	2.604.515.386	3.162.059.306
- Tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu	31.394.350	62.788.702
- Lợi thế thương mại	2.339.395.975	2.631.820.475
- Công cụ dụng cụ đã phân bổ	233.725.061	467.450.129
Chi phí bảo trì thiết bị ghi cầm tay	320.833.333	-
Khác	1.646.666	2.593.333
	<b>5.033.848.585</b>	<b>3.640.899.934</b>





**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2016	612.250.160	4.467.218.306	8.405.370.021	1.656.442.520	15.141.281.007
Mua trong năm	-	577.200.000	231.822.727	123.500.000	932.522.727
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>612.250.160</b>	<b>5.044.418.306</b>	<b>8.637.192.748</b>	<b>1.779.942.520</b>	<b>16.073.803.734</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2016	367.323.975	2.015.931.971	4.721.912.583	1.097.202.265	8.202.370.794
Khấu hao trong kỳ	78.078.323	759.590.799	1.212.700.038	261.325.318	2.311.694.478
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>445.402.298</b>	<b>2.775.522.770</b>	<b>5.934.612.621</b>	<b>1.358.527.583</b>	<b>10.514.065.272</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2016	244.926.185	2.451.286.335	3.683.457.438	559.240.255	6.938.910.213
Tại ngày 31/12/2016	<b>166.847.862</b>	<b>2.268.895.536</b>	<b>2.702.580.127</b>	<b>421.414.937</b>	<b>5.559.738.462</b>

▶ Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.096.825.904 VND.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2016	1.103.499.000	1.103.499.000
Mua trong năm	195.000.000	195.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.298.499.000</b>	<b>1.298.499.000</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2016	563.153.505	563.153.505
Khấu hao trong năm	317.251.244	317.251.244
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>880.404.749</b>	<b>880.404.749</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2016	540.345.495	540.345.495
Tại ngày 31/12/2016	<b>418.094.251</b>	<b>418.094.251</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>a) Bên thứ ba trả tiền trước</b>	<b>292.232.000</b>	<b>130.769.631</b>
Khách hàng thực hiện dịch vụ lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	-	101.290.776
Khách hàng thực hiện dịch vụ khác	292.232.000	29.478.855
<b>b) Bên liên quan trả tiền trước</b>	<b>-</b>	<b>14.329.683.184</b>
Tổng công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (Thuyết minh 32)	-	14.329.683.184
	<b>292.232.000</b>	<b>14.460.452.815</b>





13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo người bán có số dư lớn</b>				
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	25.385.866.257	25.385.866.257	5.387.926.740	5.387.926.740
Công ty TNHH Phạm Lâm	-	-	6.707.386.400	6.707.386.400
Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Trương Nguyệt	-	-	1.171.665.000	1.171.665.000
Công ty TNHH XD TM Du lịch Hồng Đăng	51.588.370.069	51.588.370.069	3.716.900.000	3.716.900.000
Công ty Cổ phần Xây dựng SBT	7.757.737.000	7.757.737.000	2.006.257.000	2.006.257.000
Công ty TNHH Đạt Đức	121.649.036	121.649.036	696.621.588	696.621.588
Đối tượng khác	4.494.513.125	4.494.513.125	3.377.464.057	3.377.464.057
	<b>89.348.135.487</b>	<b>89.348.135.487</b>	<b>23.064.220.785</b>	<b>23.064.220.785</b>
<b>b) Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (Thuyết minh 32)	25.385.866.257	25.385.866.257	5.387.926.740	5.387.926.740
	<b>25.385.866.257</b>	<b>25.385.866.257</b>	<b>5.387.926.740</b>	<b>5.387.926.740</b>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Năm 2016		31/12/2016	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	5.650.013.589	9.601.049.561	-	3.951.035.972
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	263.057.548	1.117.356.367	1.098.263.976	-	243.965.157
Thuế thu nhập cá nhân	298.049.835	-	207.732.189	700.633.478	-	194.851.454
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	387.000	387.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	<b>298.049.835</b>	<b>263.057.548</b>	<b>6.978.489.145</b>	<b>11.403.334.015</b>	<b>-</b>	<b>4.389.852.583</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15. Phải trả người lao động**

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải trả người lao động	7.878.722.204	15.679.607.017
Phải trả cán bộ quản lý	379.538.400	437.870.017
	<b>8.258.260.604</b>	<b>16.117.477.034</b>

Trong đó, quỹ tiền lương được hạch toán vào giá thành như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Quỹ lương người lao động	45.455.318.274	45.455.318.274
Quỹ lương cán bộ quản lý	1.839.713.400	1.839.713.400
	<b>47.295.031.674</b>	<b>47.295.031.674</b>

**16. Phải trả khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Cổ tức (Thuyết minh 18a)	10.507.000	3.500.000.000
Phải trả Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV khoản truy thu tiền nước (Thuyết minh 7)	-	1.094.781.600
Kinh phí Đảng, Công đoàn	-	139.790.436
Phải trả về cổ phần hóa (Thuyết minh 18a)	-	1.043.020
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	109.426.000	92.742.000
Phải trả thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	52.515.598	337.483.682
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	345.225.000	445.225.000
Bảo lãnh dự thầu	-	62.000.000
Khác	-	637.318
	<b>517.673.598</b>	<b>5.673.703.056</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	176.168.400	-
	<b>176.168.400</b>	<b>-</b>

**17. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Quỹ khen thưởng công nhân viên	2.071.370.108	2.306.759.237
Quỹ phúc lợi (*)	2.372.512.826	1.160.043.075
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	752.363.286
	<b>4.443.882.934</b>	<b>4.219.165.598</b>

(\*) Số dư cuối kỳ bao gồm 3.153.796.059 VND tăng lên theo Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa (Xem thêm tại Thuyết minh 18a).



18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>37.956.404.812</b>	-	<b>8.059.268.116</b>	<b>3.161.956.080</b>	-	<b>49.177.629.008</b>
Kết chuyển nguồn vốn chủ sở hữu (*)	11.221.224.196	-	(8.059.268.116)	(3.161.956.080)	-	-
Kết chuyển nguồn vốn từ tiền thu từ phát hành cổ phiếu để lại (*)	822.370.992	93.556.402	-	-	-	915.927.394
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	6.023.557.344	6.023.557.344
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	223.557.344	-	(6.023.557.344)	(5.800.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>93.556.402</b>	<b>223.557.344</b>	-	-	<b>50.317.113.746</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	4.016.581.106	4.016.581.106
Điều chỉnh theo phê duyệt kết quả cổ phần hóa (*)	-	(3.402)	-	-	-	(3.402)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>93.553.000</b>	<b>223.557.344</b>	-	<b>4.016.581.106</b>	<b>54.333.691.450</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2015, Công ty kết chuyển tăng Vốn góp của chủ sở hữu và Thặng dư vốn cổ phần từ Quý đầu tư phát triển, Chênh lệch đánh giá lại tài sản và Tiền thu để lại từ cổ phần hóa theo phương án Cổ phần hóa ("CPH"). Ngày 20/02/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 700/QĐ-UBND phê duyệt việc xác định phần vốn Nhà nước đến thời điểm quyết toán chuyển thể Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa theo kết quả điều chỉnh cuối cùng như sau:

- ▶ Tăng số dư Phải thu khác – Phải thu Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV về tiền thu CPH: 3.152.749.637 VND (Thuyết minh 7)
- ▶ Giảm số dư Phải trả khác – Phải trả về cổ phần hóa: 1.043.020 VND (Thuyết minh 16)
- ▶ Tăng số dư Quý khen thưởng phúc lợi: 3.153.796.059 VND (Thuyết minh 17)
- ▶ Giảm số dư Thặng dư vốn cổ phần: 3.402 VND.

(\*\*) Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức việc phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết số 001 ngày 27/04/2016:

	Năm 2015	
	VND	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế năm 2015	6.023.557.344	100%
Trích Quỹ đầu tư phát triển	223.557.344	3,71%
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	400.000.000	6,64%
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.900.000.000	31,55%
Chi trả cổ tức theo tỷ lệ 7% vốn điều lệ (Tương ứng mỗi cổ phiếu nhận 700 VND)	3.500.000.000	58,10%

**b) Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Năm 2016		Năm 2015	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	32.500.000.000	65%	32.500.000.000	65%
Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn	14.329.000.000	29%	14.329.000.000	29%
Các cổ đông khác	3.171.000.000	6%	3.171.000.000	6%
	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	3.500.000.000

(i) Ghi nhận theo phương án cổ phần hóa.

**d) Cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu cổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu



**19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	5.738.036.321	4.021.821.057
Dịch vụ phân phối nước sạch kết hợp giảm thất thoát nước (*)	221.698.560.870	108.557.885.654
Gắn và thay thế đồng hồ nước	26.800.076.333	31.813.138.114
Doanh thu khác	3.838.711.866	1.857.167.346
	<b>258.075.385.390</b>	<b>146.250.012.171</b>

**20. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	3.369.209.612	2.040.614.150
Dịch vụ phân phối nước sạch kết hợp giảm thất thoát nước (*)	207.122.734.872	94.275.414.530
Gắn và thay thế đồng hồ nước	26.752.548.195	31.629.049.017
Giá vốn khác	3.697.176.900	535.311.817
	<b>240.941.669.579</b>	<b>128.480.389.514</b>

(\*) Trong năm 2016, đơn giá Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch kết hợp giảm thất thoát nước với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV được xây dựng lại dựa trên Quyết định 590/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về định mức sản xuất nước sạch; đồng thời, hoạt động giảm thất thoát được đẩy mạnh trong năm 2016. Điều này đã dẫn tới sự biến động trong doanh thu và giá vốn hoạt động này của Công ty năm 2016.

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay có kỳ hạn	1.229.106.629	2.078.784.689
Lãi tiền gửi, tiền cho vay không kỳ hạn	48.527.558	89.686.147
	<b>1.277.634.187</b>	<b>2.168.470.836</b>

**22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.706.690.782	5.432.107.702
Thuế phí và lệ phí	3.387.000	3.387.000
Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm	29.580.250	37.412.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	584.430.000	414.132.258
Chi phí bằng tiền khác	7.260.736.196	6.412.322.183
	<b>13.584.824.228</b>	<b>12.299.361.518</b>

**23. Thu nhập khác**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Cung cấp họa đồ, công trình ngầm	26.443.200	13.827.600
Kiểm định đồng hồ nước	5.990.905	4.990.906
Bán hồ sơ mời thầu	51.818.187	39.090.913
Nhượng bán vật tư	-	54.331.273
Tiền thu phí bảo vệ môi trường giữ lại	155.105.434	142.322.780
Khác	63.533.807	15.428.631
	<b>302.891.533</b>	<b>269.992.103</b>

**24. Chi phí khác**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Kiểm định đồng hồ nước	4.280.000	13.835.000
Hồ sơ mời thầu	2.700.000	1.600.000
Nhượng bán vật tư	-	55.634.050
Khác	7.592.221	4.614.112
	<b>14.572.221</b>	<b>75.683.162</b>

**25. Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.114.845.082</b>	<b>7.833.040.916</b>
Các khoản điều chỉnh		
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	376.474.798	391.884.410
Thu nhập chịu thuế	5.491.319.880	8.224.925.326
Thuế suất	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.098.263.976</b>	<b>1.809.483.572</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	263.057.548	376.519.189
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.117.356.367)	(1.922.945.213)
<b>Thuê TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>243.965.157</b>	<b>263.057.548</b>



**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.016.581.106	6.023.557.344
Các khoản điều chỉnh	-	2.300.000.000
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	2.300.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.016.581.106	3.723.557.344
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>803</b>	<b>745</b>

Công ty chưa được Hội đồng quản trị thông qua Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	197.471.798.493	67.978.079.053
Nhân công	56.159.609.399	54.364.700.917
Khấu hao tài sản cố định	2.628.945.722	2.623.429.547
Khác bằng tiền	17.350.333.231	16.097.212.172
	<b>273.610.686.845</b>	<b>141.063.421.689</b>

**28. Công cụ tài chính**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.597.084.095	-	20.511.242.061	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	78.989.959.946	-	40.237.181.623	-
Các khoản cho vay (tiền gửi có kỳ hạn)	26.000.000.000	-	30.000.000.000	-
	<b>107.587.044.041</b>	<b>-</b>	<b>90.748.423.684</b>	<b>-</b>
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			90.041.977.485	28.737.923.841
			<b>90.041.977.485</b>	<b>28.737.923.841</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng



dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty là rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>31/12/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.597.084.095	-	2.597.084.095
Phải thu khách hàng, phải thu khác	78.501.778.972	488.180.974	78.989.959.946
Các khoản cho vay (tiền gửi có kỳ hạn)	26.000.000.000	-	26.000.000.000
	<u>107.098.863.067</u>	<u>488.180.974</u>	<u>107.587.044.041</u>
<b>01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.511.242.061	-	20.511.242.061
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.485.550.315	751.631.308	40.237.181.623
Các khoản cho vay (tiền gửi có kỳ hạn)	30.000.000.000	-	30.000.000.000
	<u>89.996.792.376</u>	<u>751.631.308</u>	<u>90.748.423.684</u>

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2016</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	89.865.809.085	176.168.400	90.041.977.485
	<b>89.865.809.085</b>	<b>176.168.400</b>	<b>90.041.977.485</b>
<b>01/01/2016</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	28.737.923.841	-	28.737.923.841
	<b>28.737.923.841</b>	<b>-</b>	<b>28.737.923.841</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 29. Thông tin khác

Văn phòng của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa tại 95 Phạm Hữu Chí thuộc sở hữu của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, đồng thời, diện tích đất tại đây do UBND Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty quản lý. Tuy nhiên tới thời điểm báo cáo, Tổng Công ty chưa thống nhất việc cho thuê lại diện tích đất và cơ sở hạ tầng trên đất với Công ty.

#### 30. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

#### 31. Báo cáo bộ phận

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



### 32. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	Phân phối nước sạch và giảm thoát	221.698.560.870	108.557.885.654
		Thay, gắn ĐHN	26.800.076.333	31.813.138.114
		Lắp đặt trụ cứu hỏa	3.796.714.427	500.806.777
		Thu nhập khác - Phí bảo vệ môi trường	155.105.434	142.322.780
		Hoạt động quản lý dự án (PMC)	19.158.348	-
		Mua vật tư ngành nước	33.113.698.633	16.456.403.998
		Mua tài sản quản lý	-	1.768.650.000
		Truy thu tiền nước	-	1.094.781.600
		Chi phí bồi dưỡng chuyên môn	8.800.000	-
		Ban QLDA Giảm thất thoát nước TP.HCM	BQL trực thuộc Công ty mẹ	Quản lý và giảm rò rỉ vùng 2
		Khác	-	83.200.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	Khoản mục	Phải thu/ (Phải trả) tại	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	Phân phối nước sạch và giảm thoát	47.232.282.728	(14.329.683.184)
		Thay, gắn ĐHN	18.787.958.164	34.994.451.925
		Lắp đặt trụ cứu hỏa	159.482.391	159.482.391
		Hoạt động quản lý dự án (PMC)	21.074.183	-
		Phí bảo vệ môi trường	155.105.434	142.322.780
		Mua đồng hồ nước	(5.336.012.000)	(5.387.926.740)
		Mua vật tư khác	(20.041.054.257)	-
		Tiền nước truy thu	-	(1.094.781.600)
		Phải thu sau quyết toán CPH	3.152.749.637	-
		Chi phí bồi dưỡng chuyên môn	(8.800.000)	-



Thu nhập của Ban giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương và thưởng	2.380.914.674	1.995.107.435
	<u>2.380.914.674</u>	<u>1.995.107.435</u>

### 33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán.

### 34. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 23 tháng 03 năm 2017.



Trần Hữu Năm  
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Trang  
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2017

